

CHẤT LIỆU VĂN HỌC DÂN GIAN TRONG TRƯỜNG CA VIẾT VỀ ĐỀ TÀI CHIẾN TRANH THỜI CHỐNG MỸ

NGUYỄN THỊ LIÊN TÂM*

Thể loại trường ca trong nền thơ ca Việt Nam hiện đại, ngoài đặc điểm quan trọng về nội dung: thường tổng kết một giai đoạn lịch sử đã qua để hướng đến một chặng đường mới của dân tộc, còn mang những đặc điểm riêng biệt, đặc biệt về ngôn ngữ nghệ thuật và đã tạo nên sự hấp dẫn đối với người thưởng thức.

Ngôn từ nghệ thuật có một vị trí đặc biệt quan trọng trong thơ, là vật liệu xây dựng hình tượng thơ, là phương tiện chuyên chở tư tưởng nghệ thuật. Tính dân tộc thể hiện ở hệ thống ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, nhất là ở phong cách diễn đạt: lời ăn tiếng nói giàu nhạc tính, giàu hình ảnh, ở cách ví von so sánh, ở ca dao, tục ngữ, thành ngữ, truyện cổ... Gorki đã từng nói: “Nhà văn không biết đến văn học dân gian là một nhà văn tồi” quả thật là chính xác. Sự kết hợp hài hòa giữa nét truyền thống và nét hiện đại đã tạo cho trường ca nét đẹp văn hóa cổ xưa, gợi nhớ về cội nguồn lịch sử dân tộc lại vừa mang tính thời đại... Chính chất liệu văn học dân gian đã làm nên chất trữ tình sâu lắng dạt dào để trường ca sử thi hiện đại mang âm hưởng truyền thống dân tộc.

Nhà thơ Thu Bồn trong “*Badan khát*” đã sử dụng khá dồi dào chất liệu văn học dân gian:

*Vi đất này anh đo bằng máu
Dù cái kiến con ong đều quý báu
Một dây bìm cũng có biên cương.*

Thành ngữ, tục ngữ, ca dao là cách nói, cách thể hiện tâm trạng trữ tình rất quen thuộc trong dân gian, đã có từ lâu đời nhưng vẫn có sức sống mạnh mẽ, biến hóa, hòa vào tâm tư tình cảm của mọi người, và trước hết là ở nhiều

* Thạc sĩ, giảng viên Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Thuận.

nhà thơ để họ tái sinh thành những câu thơ, bài thơ hiện đại mà vẫn đậm đà tính dân tộc.

Nhà thơ Tố Hữu, thường vận dụng những ý thơ, ngôn ngữ, giọng điệu thơ... đậm đà tính dân tộc. Và chính những chất liệu văn học dân gian đã tạo sự mượt mà, sâu lắng, thể hiện tâm hồn dân tộc rõ rệt nhất. Những bản trường ca viết về đề tài chiến tranh thời chống Mỹ của Tố Hữu đã đạt tới một nội dung xã hội chủ nghĩa, có ý nghĩa khái quát lớn về thời đại và dân tộc, về sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Theo Lê Đình Ky: *"Nhưng nội dung ấy, muốn được hoàn chỉnh và nhuần nhị, lại phải đi đôi với tính dân tộc sâu sắc"*. Ta có thể nhớ lại những tứ thơ mộc mạc như *"bên bồi bên lở, bên nhớ bên thương"* được Tố Hữu sử dụng để tạo chất đầm thắm, mượt mà cho thơ mang dáng dấp của ca dao:

*SôngBến Hải bên bồi bên lở
Cầu Hiền Lương bên nhớ bên thương
Cách ngăn mười tám năm trường
Khi mô mới được nối đường vô ra?
(Nước non nghìn dặm)*

Trong trường ca *Ba mươi năm đời ta có Đảng*, theo Lê Đình Ky, có hàng chục câu thơ được xây dựng thẳng từ tục ngữ, thành ngữ :

... *Đời ta gương vỡ lại lành/... Tan mồ cha cũng rước voi già/*
... *Càng tức nước càng xui bờ vỡ/... Dù khi tắt lửa tối trời*

Từ bài ca điệu Nam Bình: *"Nước non ngàn dặm/ Ra đi/ Cái tình chi..."* Nhà thơ Tố Hữu cũng đã vận dụng để đặt tên cho một trường ca là *Nước non nghìn dặm*.

Cái ngọt ngào tha thiết trong thơ Tố Hữu là ở hơi thở dân tộc. Trong nhiều câu thơ, Tố Hữu đã kế thừa sáng tạo vốn ca dao. Đó là sự kết hợp hài hòa chất giọng anh hùng ca với chất giọng dân gian truyền thống. Ca dao, dân ca, điệu hò, câu hát, lời ru xứ Huế mộng, Huế mơ của mẹ đã thấm vào buồng tim thơ thịt của Tố Hữu từ thuở ấu thơ. Nhà thơ đã từng tâm sự: *"Tôi là con út, con cưng, nên thường được mẹ tôi áp ủ và ru bằng tiếng hát ngọt êm của người đàn bà xứ Huế..."*. Và lời ru ấy đã theo Tố Hữu suốt chặng đường thơ để làm nên chất giọng thơ đầm thắm, mượt mà, ngọt ngào, sâu lắng... ngay cả trong những bản trường ca có khuynh hướng thiên về đề tài chiến tranh thời chống Mỹ được chọn để khảo sát.

Từ câu ca: *Qua đình ngả nón trông đình
Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu*

nhà thơ đã tiếp thu một cách sáng tạo, đưa hồn xưa về với thơ nay một cách tươi nguyên, đậm hương sắc mới mẻ:

*Đường đi mấy núi mấy đèo
Núi bao nhiêu ngọn bấy nhiêu anh hùng.
(Ba mươi năm đời ta có Đảng)*

Để diễn tả sự thủy chung, gắn bó của những con người trong Đảng, Tố Hữu đã lấy chất liệu từ văn học dân gian:

*Chín năm nắng núi mưa ngàn
Nắng mưa có Đảng, cơ hàn có nhau.*

Có lẽ hẳn chúng dễ thuộc thơ và yêu mến thơ Tố Hữu nhiều đến vậy là nhờ ở chất dân dã, giản dị, lời thơ giàu nhạc điệu lấy từ chất liệu dân gian. Tố Hữu đã tiếp thu ca dao, dân ca, sử dụng những yếu tố truyền thống của ca dao dân ca để biểu hiện sâu đậm cái phong vị dân gian, cái hồn dân tộc. Nhà thơ đã khai thác triệt để, sử dụng và phát triển một cách sáng tạo những tinh hoa của thơ ca dân gian cả về mặt nội dung tư tưởng lẫn hình thức biểu hiện. Các bản trường ca của Tố Hữu vừa mang nét hiện đại lại vừa mang nét truyền thống chính là nhờ ở chất liệu văn học dân gian, nhạc điệu, thể thơ dân tộc sáng tạo...

Giang Nam cũng sử dụng chất liệu văn học dân gian trong trường ca *Người anh hùng Đồng Tháp*:

*Tiếng con khóc mẹ bầm gan tím ruột
Bao giờ, bao giờ giải phóng đời ta?*

Hoặc ý thơ: *Ôi! Nếu được thay em làm mẹ
Thui thủi thân cò lặn lội bờ ao...*

Nguyễn Đức Mậu trong *Trường ca Sư đoàn* cũng đã sử dụng khá nhiều chất liệu văn học dân gian. Những truyền thuyết, cổ tích về Thánh Gióng, núi Vọng Phu, cầu Ái Tử, Ngư Lang Chúc Nữ, Kinh và Bana là anh em, Sự tích bánh dầy bánh chưng ... đã được đưa vào trường ca:

- *Chúng tôi biết ơn bà mẹ nghèo làng Gióng
Đã nuôi con lam lũ nhọc nhằn
Cây tre xanh bén lửa hóa tre vàng...
- Chúng tôi lớn lên /Đã có mưa ngâu*

Nhà thơ Trần Mạnh Hảo cũng thường hay sử dụng chất liệu dân gian vào trong trường ca. Ở “*Mặt trời trong lòng đất*”, nhà thơ đã nhẹ nhàng bày tỏ:

*Tóc dài chảy suốt chiêm bao
Để anh buộc tóc em vào tóc anh.*

Phải chăng nhà thơ đã lấy ngẫu hứng từ lời ca dao “Tóc mai sợi vấn sợi dài”.

Địa đạo Củ chi sâu trong lòng đất không hề có ánh sáng mặt trời, thế nhưng, họ vẫn có mặt trời của nhau, của hơi ấm yêu thương chia sẻ gian lao, hạnh phúc, của hương tóc vấn vương bay vào trong giấc chiêm bao. Câu thơ ngọt ngào gợi sự liên tưởng sâu: “*Trăng nhớ giếng phải khi tròn khi khuyết*” cũng mang phong vị đậm đà của ca dao.

Chất liệu văn học dân gian đã trở thành thi liệu phong phú đối với Trần Mạnh Hảo. Truyền thuyết “*Trăm trứng nở trăm con*” được nhẹ nhàng đưa vào trường ca:

*Chúng ta là cái bọc một trăm trứng, một trăm con của mẹ
Trái đất mang thai và em đã hoài thai*

Có khi, nhà thơ đã từ cảm hứng của một lời ru than thân trách phận: “*Gió đưa cây cải về trời/ Rau răm ở lại chịu lời đắng cay*” (Ca dao), để diễn đạt sáng tạo một ý thơ hết sức ngọt ngào, sâu xa, tròn trịa:

*Khi mẹ ru con trong lòng đất
Cây cải lên trời còn gọi gió về thăm
Gió ở lại với rau răm cay đắng
Mẹ là rau răm, mẹ là cây cải trắng...*

Câu chuyện thần thoại, cổ tích “*Thạch Sanh, Tấm Cám, Trọng Thủy Mị Châu, Ngưu Lang Chức Nữ*” cũng thấp thoáng trong trường ca: “*Khi mẹ ru con trong lòng đất Chàng Thạch Sanh về lại gốc đa nằm.../ Trái thị nào để cô Tấm trú chân /... Khi mẹ ru con trong lòng đất / Nàng Mị Châu còn mãi miết tằm trầu .(Mặt trời trong lòng đất)*

Trần Mạnh Hảo sử dụng rất nhiều chất liệu văn học dân gian, thể hiện tư duy sáng tạo gắn với nguồn cội, hình hài đất nước: “*Biết em từ thuở Hùng Vương / Lưng ong thắt đày như lưng nước mình / Dầu từng đi suốt chiến chinh / Mà sao đất nước vẫn hình dáng em.*” (Đất nước hình tia chớp).

Mở đầu trường ca “Đất nước hình tia chớp”, ngay từ chương thứ nhất, nhà thơ đã đưa ý tưởng “*Sự tích bánh dày, bánh chưng*” vào thơ: “*Khi còn nằm trong bụng mẹ/ Sao con đã vội tò mò/ Muốn đòi ra xem trời xem đất/ Xem trời có giống bánh dày/ Đất có giống bánh chưng?*”

Hình bóng mẹ Việt Nam, mẹ nhân dân, mẹ của riêng người chiến sĩ đều là người mẹ tần tảo, vất vả một đời: mẹ tự sinh con, mẹ gánh con đi chạy càn, mẹ đi mò ốc, bắt cua, mò tép, mò tôm, mò cá trê, cá bống:

*“Mẹ còn đi cấy đồng sâu chưa về
Bắt được con cá rô trê
Cắm cổ lôi về cho cái ngủ ăn”*

Những câu thơ mà cũng chính là lời ru dân gian đưa con vào giấc ngủ. Trong chương ba rất nhiều yếu tố dân gian khác được Trần Mạnh Hảo đưa vào trường ca:

“Một dây một trái đất tròn / Mỗi hòn núi ngở một hòn Vọng Phu / Một trăm trứng của Tiên Rồng/ Lên rừng xuống biển vẫn dòng Rồng Tiên / Thạch Sanh đàn đuổi giặc về / Mới sinh ra đã nhổ tre là ngà...”

Ở chương năm mang tên “*Thương nhau cởi áo cho nhau*”, Trần Mạnh Hảo đã dùng chính câu ca dao này để thể hiện tình yêu đôi lứa khi chiến tranh đã đi qua:

*Thương nhau cởi áo cho nhau
Vì em đôi mẹ một câu trong đời
Con xin phép mẹ mẹ ơi
Giặc tan con phải tìm người con thương...*

Nhà thơ Anh Ngọc trong *Sông núi trên vai* có ý thơ cũng sử dụng chất liệu dân gian từ thành ngữ, tục ngữ mộc mạc:

*Ví dù cách mặt khuất đêm
Thì xin chân cứng đá mềm được chăng*

Sức khái quát cô đọng của tục ngữ đã làm ý thơ thêm sâu, thêm mạnh mẽ, cụ thể. Diễn tả nỗi nhớ mẹ, tưởng tượng về hình ảnh người mẹ ở quê mình, tâm sự với mẹ, Thanh Thảo cũng đã sử dụng thành ngữ “chân cứng đá mềm”:

Mẹ quét lá thấy dấu con trên đất
 Ngày con đi chân cứng đá mềm
 Con đã trải đá mềm rồi mẹ ạ...
 Và đá cũng cứng hơn con tưởng rất nhiều

Lòng mẹ thương yêu con dào dạt, thiết tha và sẵn sàng hy sinh dành mọi sự sung sướng hạnh phúc cho con từ khi con vừa mới được sinh ra trên đời. Ca dao đã ca ngợi điều ấy trong câu “*Bên ướm mẹ nằm, bên ráo con lăn*”, Thanh Thảo đã cảm xúc và viết lại mang sức khái quát cao hơn:

Sau mưa bão mía ngọt dần lên ngọn
 Vẫn chỗ ướm mẹ nằm đất nước mình ơi.

Nhớ ơn những bà mẹ quanh năm “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời”, một nắng hai sương gắn bó với cái liềm, cái hái, nhà thơ cũng đã vận dụng sáng tạo câu tục ngữ “*Uống nước nhớ nguồn*”:

Tập con bước vịn vào ca dao tục ngữ
 Dù uống nước đâu lòng vẫn nhớ nguồn

Tình yêu với mẹ thì như thế, còn tình yêu với đất thì nhà thơ vận dụng nguyên vẹn cả lời ca dân gian:

Tôi đến đây thành rễ cây hút chặt
 Với đất này nhớ câu hát ngày xưa
 “*Lấy anh em biết ăn gì
 Lộc sẵn thì chát lộc si thì già*”

Những câu ca dao “*thương nhau dải yếm bắc cầu*” “*thương nhau cởi áo cho nhau về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay*”, “*thương nhau mấy núi cũng trèo, mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua*” cứ nhẹ nhàng, mượt mà, lai láng đi vào hồn thơ Thanh Thảo: “*Ca dao sắc lá lúa / Ca dao mềm dao cau / Ca dao dải yếm bắc cầu / Thương nhau cởi áo gió đâu bay về / Anh đã qua mấy núi mấy đèo / Mấy sông anh từng vượt / Bữa đói bữa no áo quần lấm láp*”

Những câu tục ngữ thành ngữ “*bầm gan tím ruột*”, “*con ong cái kiến*”, cũng được sáng tạo thành những lời thơ tha thiết:

Thương từ cái kiến con ong
 Tím ruột bầm gan thù bọn ác

Cả lời ru ngọt ngào mẹ thường hát ru con ngủ cũng khéo léo đi vào thơ của anh:

“Lời hẹn hò con gái con trai / Là chén canh cá lóc / Mẹ nấu cho tôi dưới hàng cây so đũa / Là lời ru em nhắm đũa vô tình / “Vi dầu cầu ván đóng đinh / cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi”

Truyền thuyết nhưng cũng không đơn thuần là truyền thuyết mà chính là hiển hiện ở giữa đời, là những câu chuyện kể vừa xa, lại vừa gần, gắn bó ruột thịt. Và cứ thế, chất liệu văn học dân gian thấm đẫm vào trường ca, tạo nên một sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, vừa cổ điển vừa mới mẻ:

*...Vang uy nghiêm tiếng tù và mở cõi
Bao nhiêu trướng Âu Cơ về cuối đất này*

Ngay cả những bãi cát giăng giăng, trùng trùng lớp lớp, hình ảnh của biển, cái đích của *“Những người đi tới biển”* cũng là chất liệu ca dao trong thơ Thanh Thảo. Câu ca dao: *“Ngó ra thấy cát dằng dằng / Cát bao nhiêu hạt dạ em thương chàng bấy nhiêu”* đã được bàn tay của Thanh Thảo biến hóa thành những lời tình yêu da diết, mặn nồng và hiện đại:

*Tay em mở muôn ngàn trang sóng
“cát dằng dằng ...” anh là cát của em thôi*

Có thể nói chất liệu văn học dân gian đã tạo nên chất trữ tình sâu lắng đậm thấm trong thơ Thanh Thảo và ở nhiều nhà thơ khác nhưng có lẽ trong *“Những người đi tới biển”*, việc vận dụng ca dao tục ngữ, cổ tích, thần thoại... của nhà thơ đã đạt đến sự nhuần nhị.

Có thể khẳng định rằng các nhà thơ thời chống Mỹ không chỉ kế thừa văn hóa dân gian ở những hình thức biểu hiện như: đưa truyện cổ, tục ngữ, ngôn ngữ ca dao vào thơ, sử dụng thơ lục bát truyền thống, nhịp điệu dân ca, các phương tiện tu từ... mà còn thể hiện ở sự tư duy đầy tính dân tộc trong việc đưa văn hóa dân gian vào trường ca. Đó là cảm thức tự hào về truyền thống chiến đấu, truyền thống đoàn kết, yêu nước, nhớ cội nhớ nguồn, tình yêu chung thủy...

Có một nhà thơ rất mê ca dao, thuộc nhiều ca dao và đã vận dụng linh hoạt, sáng tạo vào thơ, đó chính là Hữu Thỉnh. Nhận xét về điều này, Lưu Khánh Thơ đã viết: *“Trong làng thơ, anh nổi tiếng là người mê và thuộc nhiều ca dao tục ngữ”*. Đường tới thành phố của Hữu Thỉnh có thể xem như một khúc ca chiến thắng và chứa đựng trong nó là bao chặng đường đầy máu và nước

mắt mà dân tộc ta đã trải qua. Thi liệu văn học dân gian cũng góp phần làm nên giá trị trữ tình độc đáo cho trường ca.

Nổi nhớ nhưng, trông ngóng của người vợ có chồng đi kháng chiến được Hữu Thỉnh diễn tả:

*Ở nhà dài những năm canh
Từ bậu cửa bước xuống sân cũng dài*

Có lẽ lấy ý từ câu “Đêm năm canh ngày sáu khắc”, nhưng đầy sáng tạo. Nói “năm canh” là cách tính thời gian về đêm nhưng nói “dài những năm canh” giúp ta liên tưởng đến nỗi chờ đợi trong nhiều đêm..., nỗi chờ đợi dài đằng dặc. Còn khi nhà thơ viết:

*Tôi là chỗ thất thường của gió
Khi người yêu cởi áo trao khăn*

Ta lại liên tưởng đến lời ca: “*Thương nhau cởi áo cho nhau/Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay...*”

Cũng có lúc, để thể hiện một lời nhắn gửi xa xôi: cán bộ cách mạng đang về ở cơ sở, Hữu Thỉnh đã vận dụng nguyên vẹn hai câu ca dao ngọt ngào giàu ý nghĩa:

*Nhân dân trở về qua tay người mót nôi
Qua lời ru gửi giấc xa xôi
“Anh quên không mang trăng vào nhà
Trăng buồn trăng phải sáng qua vườn người”*

thì cái chất ca dao mộc mạc, giản dị, trầm lắng ấy giúp ta hình dung ra cái cảnh tượng thực tại, một cách cụ thể hơn.

Có khi, Hữu Thỉnh đã chọn một tứ thơ từ cách tư duy rất dân gian của nông dân Việt Nam để viết:

*Con gà trống cù kỳ quanh vại nước
Hạt thóc ngậm vào thành hạt ngọc của tình yêu
Tiếng nó gáy rung vang cuồn ngũ sắc
Báo cho du kích đã qua chiều*

Hình ảnh “sao hôm, sao mai”, dòng sông “bên lở, bên lồi”, “bên trong, bên đục” cũng được gửi vào trường ca: “*Bên bồi bên lở về đâu/ Bên trong bên đục dài lâu tình người.../ Quân đi, quân đi / Từ đâu sao Hôm đến cuối sao Mai /*

Ảnh đèn pha chói gắt / Hắt loang dài". Ca dao Nam Bộ cũng được đưa vào thơ một cách mộc mạc, tự nhiên:

...Bao nhiêu cuộc đời gọi ta về kịp
 "Cúc mọc bờ ao kêu bằng cúc thủy"
 ta sẽ về, xóm Mũi sẽ về ta

Hay câu ca "gió dậu gió mát sau lưng" được đưa vào trực tiếp:

"gió dậu gió mát sau lưng/em không phải sau lưng/em đang ngồi trước
 mặt/bởi anh biết em ơi anh biết/cuối chặng đường là nỗi nhớ gặp nhau"

Những thành ngữ, tục ngữ "trở trời trái gió", "áo gấm đi đêm", đến trong thơ Hữu Thỉnh như là một cách tình cờ, bất chợt nhưng mang ý nghĩa khái quát sâu:

hai mươi năm áo gấm đi đêm/chị màu mỡ mà anh tôi chẳng biết
 ...những đêm trở trời trái gió /tay nọ áp tay kia
 một mình một mâm cơm/ngồi bên nào cũng lệch...

Các nhà thơ sáng tác trường ca sử thi hiện đại chẳng những đã chú ý khai thác, sử dụng văn hóa dân gian của dân tộc Kinh mà còn rất chú ý đến chất liệu văn học dân gian của các dân tộc thiểu số; thể hiện ở những hình tượng kỳ vĩ, cấu tứ kỳ lạ... trong *Bài ca chim Chợ Rao* (Thu Bồn), *Kể chuyện ăm cốm giữa sân* (Nguyễn Khắc Phục), v.v...

Trong *Bài ca chim Chợ rao*, Thu Bồn cũng đã sử dụng những lời ca ngọt ngào da diết để giải bày tâm sự:

Anh bỗng nhớ tiếng ru bài hát cũ
 "Cái con chim xanh ăn trái xoài xanh"

Trong *Quê hương mặt trời vàng*, Thu Bồn cũng đã chọn lọc và đưa vào trường ca những truyền thuyết "có mẹ Âu Cơ đẻ ra trăm trứng; chim lạc bay về trên mặt trống Đông Sơn". Rồi sự tích *Loa Thành*, sự tích "Quả dưa đỏ" với anh hùng văn hóa Mai An Tiêm lần lượt được khắc vào thơ. Cả hình ảnh của Thánh Gióng cũng được thể hiện một cách sáng tạo dân dã, ngộ nghĩnh và gần gũi với đời sống: "Đất nước tôi mơ ngựa sắt/Vẫn yêu khóm tre ngà/Nên thánh đều nằm trên gióng."

Còn "Sự tích Trầu cau" thì lại được diễn đạt một cách khéo léo, sinh động:

“Đất nước có dây trầu leo cây cau/Bà thức trầu gọi tên từng lá/Tôi ra đời chẳng có tên/Mẹ gọi tôi bằng thằng cu cái tạo.” Và cứ như thế, văn học dân gian đã đến và tồn tại trong trường ca sử thi hiện đại như dòng suối nguồn ngọt ngào xuôi về với biển.

Chất liệu văn học dân gian có một giá trị vô cùng lớn lao trong kho tàng văn học dân tộc. Ngày nay, nhiều tác phẩm thi ca hiện đại thường mang nhiều yếu tố văn học dân gian, đem đến cho độc giả những cung bậc cảm xúc mặn mà, tha thiết, ví như bài thơ “Bóng chiều” của nhà thơ Thảo Vi (đăng trên báo Văn nghệ số 1996). Thế nhưng, ở cái thời chiến tranh vô cùng khốc liệt ấy, chất liệu văn học vẫn đến với các nhà thơ đa phần là chiến sĩ, phần nào đã thể hiện tâm hồn dân tộc ăn sâu trong tâm khảm của họ.

Có thể nói, yếu tố truyền thống văn học dân gian đã hòa nhập vào trường ca như những yếu tố nội tại của hệ thống. Cái cũ chuyển hóa trong cả hệ thống và hòa lẫn vào cái mới. Một sự tiếp thu yếu tố truyền thống để sáng tạo bằng những hình thức mới. Các nhà thơ sáng tác sử thi hiện đại đã làm được điều ấy, đã chuyển tải, đã phá hồn dân tộc đầy âm điệu, ý tứ đầm thắm ngọt ngào, trữ tình sâu lắng vào những bài trường ca sử thi hiện đại và đã làm rung động được lòng người một phần cũng nhờ yếu tố văn học dân gian lai láng thắm đằm hồn dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Thị Bình (2002), *Góp phần tìm hiểu trường ca viết về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, Tạp chí Giáo dục số 26.
2. Minh Đức (1981), “Về Trường ca”, Tạp chí Văn nghệ Quân đội số 1, 2, 3
3. Mai Hương (1980), *Độc Đường tới Thành phố (Trường ca của Hữu Thịnh)*, Nxb Quân Đội-Tạp chí Văn học số 3.
4. Bùi Công Hùng (2001), *Sự cách tân thơ văn Việt Nam hiện đại*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
5. Lê Đình Ky (1979), *Thơ Tố Hữu*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
6. Phong Lan (Chủ biên) (1999), *Tố Hữu- về tác giả và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Mã Giang Lân (2000), *Tiến trình thơ hiện đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Thiếu Mai (1980), *Thanh Thảo – Thơ và trường ca*, Tạp chí Văn học số 2.
9. Nhiều tác giả (1984), *Thơ ca chống Mỹ cứu nước*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
10. Lưu Khánh Thơ (1988), *Thơ Hữu Thịnh – Một phong cách thơ sáng tạo*, Tạp chí Văn học số 2.
11. Bích Thu (1983), Thanh Thảo, *Một gương mặt tiêu biểu trong thơ từ sau 1975*, Tạp chí Văn học số 5, 6.

12. Dục Tú (1985), *Mặt trời trong lòng đất, nghĩ về gương mặt thơ Trần Mạnh Hào*, Tạp chí Văn học số 2.
13. Trần Ngọc Vương (1981), *Về thể loại trường ca và tính chất của nó*, Tạp chí Văn nghệ số 5.
14. Trần Quốc Vương (Chủ biên) (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Tóm tắt:

**Chất liệu văn học dân gian trong Trường ca
viết về đề tài chiến tranh thời chống Mỹ**

Trường ca hiện đại là một thể loại thơ ca trữ tình mang dung lượng khá đồ sộ, thể hiện những cảm xúc mãnh liệt và nội dung lớn, có khả năng phản ánh, tổng kết một giai đoạn lịch sử, hoặc những vấn đề lớn lao của dân tộc. Từ năm 1970 trở đi, trường ca sử thi hiện đại nở rộ và hầu như được sản sinh trong khói lửa chiến tranh. Một số trường ca có giá trị... đã có hiệu ứng xã hội tích cực tác động sâu rộng đến tâm hồn con người Việt Nam.

Abstract:

**Materials of folk literature for epics on the war fighting against
the American imperialism**

Modern epics, a form of the lyrics with a large quantity of contents expressing fierce emotions reflect a period of the history or great achievements of the people. Most of modern historical epics were composed during the war time. Some valuable epics have positive social impacts on Vietnamese hearts.